

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LỨC  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Văn Tám
- Bà Nguyễn Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trần Lệ T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T có Đơn xin vắng mặt; Ông T1 vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Lệ T trình bày:

Năm 2010 bà và ông T1 xác lập quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T1 không quan tâm, chăm sóc cho vợ con nên thường xuyên cãi vã nhau, bà và con chung đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở huyện Đ từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống

ly thân, cả bà và ông T1 đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu được ly hôn.

Con chung: Quá trình chung sống bà và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc M, sinh ngày 03/7/2010. Hiện nay cháu M đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 25/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày:*

Ông xác nhận lời trình bày của bà T đúng về thời gian kết hôn, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do điều kiện công việc nên bà T có về nhà chung sống với cha mẹ ruột để thuận tiện cho công việc từ tháng 5/2022, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông có liên hệ với bà T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T không đồng ý. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông còn thương vợ con xin được hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Con chung: Quá trình chung sống ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc M, sinh ngày 03/7/2010. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn, ông đồng ý cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại xã N, huyện B về việc tranh chấp “Ly hôn”. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Lệ T có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[2]. Bà Trần Lệ T và ông Nguyễn Thanh T1 xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Long An ngày 02/7/2010 theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cho rằng giữa bà T và ông T1 đã phát sinh mâu thuẫn là tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T1 không quan tâm, chăm sóc cho vợ con nên thường xuyên cãi vã nhau, bà và con chung đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở huyện Đ từ tháng 5/2022 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, cả bà T và ông T1 đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông T1 cho rằng còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn và xin được hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, từ khi bà T nộp đơn khởi kiện đến nay, mặc dù ông T1 có ý muốn hàn gắn lại hạnh phúc nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, một bên vợ, chồng đã không còn thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T1 đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp với nhau và sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay là đã vi phạm một trong những quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào nguyên nhân mâu thuẫn mà các bên trình bày chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp.

[4]. Về nuôi con chung: Bà T và ông T1 cùng thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc M, sinh ngày 03/7/2010. Khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 cũng đồng ý trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông T1 đồng ý cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện cháu M đang do bà T nuôi dưỡng và có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, tâm sinh lý của cháu M nên giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung theo quy định.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông T1 cùng thống nhất xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Lệ T phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Lệ T về việc “Ly hôn” với ông Nguyễn Thanh T1.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Lệ T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1.

2. Về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Lệ T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Ngọc M, sinh ngày 03/7/2010. Ông Nguyễn Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Trần Lệ T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007411 ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức chuyển sang án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn T2 – Nguyễn Thị Hương Đặng Thị N**



***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã Nhựt Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Nga**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn T2 – Nguyễn Thị H**

**Đặng Thị N**



***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Bến  
Lức;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Nga**